

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
Thành phố Hồ Chí Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 974/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Hương - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bút

Địa chỉ: ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: 6/9, ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu Văn Trung

Địa chỉ: ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: 6/9, ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019 và trong quá trình xét xử vụ án thì lời trình bày của nguyên đơn Bà Bùi Thị Bút như sau:

Vào năm 2008, bà Bút và ông Lưu Văn Trung quen biết, yêu thương nhau, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/02/2008 (số 07, quyển số 1). Khi kết hôn gia đình hai bên không có ai ngăn cản, cấm đoán, không bên nào cưỡng ép kết hôn, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông Trung đã có người phụ nữ khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bút yêu cầu ly hôn với ông Trung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Thị Ngọc Linh, sinh ngày 05/3/2008.

Bà Bút yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Linh, không yêu cầu ông Trung cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn là ông Trung đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trung theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là bà Bút có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Bút theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định tư cách tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thủ tục hòa giải, về thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, về thủ tục cấp tổng đạt cho đương sự. Thẩm phán vi phạm quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử,

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Bà Bùi Thị Bút và Ông Lưu Văn Trung là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn hiện đang tạm trú tại địa chỉ 6/9, ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Bút và ông Trung chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/02/2008 (số 07, quyền số 1) nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Bút và ông Trung có thời gian sống chung từ năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Trung đã có người phụ nữ khác. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trung vẫn không đến tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông Trung không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: đời sống chung vợ chồng của bà Bút và ông Trung đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Vì vậy việc bà Bút yêu cầu ly hôn với ông Trung là có cơ sở chấp nhận.

* Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lưu Thị Ngọc Linh, sinh ngày 05/3/2008.

Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019 cháu Ngọc Linh có nguyện vọng sống chung với bà Bút. Cháu Ngọc Linh là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của bà Bút. Hiện cháu Ngọc Linh vẫn đang sống chung với bà Bút, không nên thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu. Vì vậy, yêu cầu của bà Bút là có cơ sở chấp nhận.

Về đóng góp nuôi con: Bà Bút không yêu cầu ông Trung đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về chia tài sản: Bà Bút không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 21; 28; 35; 39; 48; 63; 184; 186; 188; 203; 205; 227; 228; 235; 244; 264; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Bùi Thị Bút

Xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Bà Bùi Thị Bút và Ông Lưu Văn Trung

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lưu Thị Ngọc Linh, sinh ngày 05/3/2008.

Giao con chung tên Lưu Thị Ngọc Linh cho bà Bùi Thị Bút trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối ông Lưu Văn Trung cho đến khi có yêu cầu của bà Bùi Thị Bút.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà Bùi Thị Bút chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Bùi Thị Bút đã

nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0025115 ngày 15/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Bùi Thị Bút đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- UBND xã Mỹ An Hưng A,
huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa